

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo kiểm toán độc
lập

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính của Công ty

	Đơn vị	2009	2008
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	71,05	59,35
Tài sản lưu động/tổng tài sản	%	28,95	40,65
Cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	68,40	78,25
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	31,60	21,75
Khả năng thanh toán			
Tổng tài sản/nợ phải trả	lần	1,46	1,28
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,50	0,52
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,01	0,01
Tỷ suất sinh lời			
Lỗ/doanh thu thuần			
Lỗ trước thuế/doanh thu thuần	%	(1,21)	(30,90)
Lỗ sau thuế/doanh thu thuần	%	(1,21)	(26,19)
Lỗ/tổng tài sản			
Lỗ trước thuế/tổng tài sản	%	(1,92)	(28,34)
Lỗ sau thuế/tổng tài sản	%	(1,92)	(24,02)
Lỗ sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	(6,08)	(110,43)

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong niên độ báo cáo và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:		Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Pang Tee Chiang	Chủ tịch	Ngày 15 tháng 8 năm 2006
Yau Hau Jan	Thành viên	Ngày 15 tháng 8 năm 2006/ Ngày 11 tháng 1 năm 2010
Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	Ngày 15 tháng 8 năm 2006
Pang Tze Yi	Thành viên	Ngày 15 tháng 8 năm 2006
Teng Po Wen	Thành viên	Ngày 15 tháng 8 năm 2006
Ban Giám đốc:		
Pang Tee Chiang	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 8 năm 2006
Yau Hau Jan	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 8 năm 2006/ Ngày 11 tháng 1 năm 2010
Pang Tze Yi	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 11 tháng 1 năm 2010
Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc tài chính	Ngày 15 tháng 8 năm 2006
Đại diện pháp luật	Pang Tee Chiang	Chủ tịch và Tổng Giám đốc

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng đã được soạn thảo đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý liên quan. Khi lập báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực và hệ thống Kế toán Việt Nam;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường. Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Giám đốc

Pang Tee Chiang
 Tổng Giám đốc
 Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 Ngày:



Báo cáo kiểm toán độc lập

Cho Báo cáo tài chính riêng của
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Grant Thornton (Vietnam) Ltd.
28th Floor, Saigon Trade Center,
37 Ton Duc Thang Street
District 1, Ho Chi Minh city
Vietnam.

T +84 (8) 3910 9100
F +84 (8) 3914 3748
www.gt.com.vn

Số HCM/10/116

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần thực phẩm Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế bao gồm bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với các thuyết minh tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thuyết minh tương ứng được trình bày từ trang 5 đến 27.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác theo báo cáo kiểm toán phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2009 với ý kiến loại trừ liên quan đến phần chênh lệch giữa số lượng trên sổ sách và số lượng thực tế của hàng tồn kho.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính riêng

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực và hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân theo các điều do pháp luật qui định có liên quan thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm này bao gồm: việc thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không chứa đựng sai lệch trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và việc thực hiện các ước tính kế toán hợp lý trong từng trường hợp.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến kiểm toán về các báo cáo tài chính riêng dựa trên công việc kiểm toán. Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán trên cơ sở các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ theo các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp và lên kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được một sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính riêng không chứa đựng các sai lệch trọng yếu.

Cơ sở ý kiến

Kiểm toán bao gồm việc thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai lệch trọng yếu trên báo cáo tài chính riêng do gian lận hay sai sót. Trong việc đánh giá này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày hợp lý báo cáo tài chính riêng để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và sự hợp lý của các ước tính kế toán do Ban Giám đốc thực hiện, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và phù hợp để làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Như được nêu trong Thuyết minh 3 – Cơ sở lập các Báo cáo tài chính, các Báo cáo tài chính đi kèm không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tuân thủ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán rộng rãi ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Cơ sở ý kiến ngoại trừ

Trong báo cáo kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2008, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến hàng tồn kho với giá trị ghi sổ 6.302.404 Đô-la Mỹ (tương đương 106.996 triệu đồng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, do có sự khác biệt giữa số lượng kiểm kê thực tế và giá trị sổ sách mà không được đối chiếu và không được giải thích thỏa đáng. Công ty đã điều chỉnh chênh lệch này vào báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, do thiếu bằng chứng thích hợp, chúng tôi không thể xác định liệu các khoản điều chỉnh trên nên được điều chỉnh vào báo cáo tài chính năm 2008 hay nên ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính năm 2009.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của những vấn đề được đề cập ở đoạn *Cơ sở ý kiến ngoại trừ*, các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý trên mọi khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế tại 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý liên quan.

Không phủ nhận ý kiến được nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến vấn đề được trình bày trong Thuyết minh số 5 của báo cáo tài chính riêng. Các báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tổng nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tổng tài sản ngắn hạn 182.493 triệu đồng. Điều này làm dẫn đến sự không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính riêng không bao gồm bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến kết quả của sự không chắc chắn này. Công ty mẹ của Công ty đã đảm bảo sẽ hỗ trợ tài chính cần thiết để Công ty có thể tiếp tục hoạt động ít nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

Melvyn George Crowle
CCKTV số N0297/KTV
Tổng Giám đốc

Trần Vương Vũ
CCKTV số 1210/KTV
Kiểm toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày:

Bảng cân đối kế toán riêng

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2009 Triệu đồng	31 tháng 12 năm 2008 Triệu đồng
Tài sản				
Tài sản ngắn hạn				
Tiền và các khoản tương đương tiền				
Tiền	6	111	4.089	3.594
				110
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng		131	10.456	4.505
Trả trước cho nhà cung cấp		132	3.203	18.919
Phải thu các bên liên quan	34	133	34.132	232.276
Phải thu khác	7	135	7.240	2.654
Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn		139	-	(1.512)
		130	55.031	256.842
Hàng tồn kho				
Hàng tồn kho	8	141	129.825	112.774
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	149	(12.737)	(5.778)
		140	117.088	106.996
Tài sản ngắn hạn khác				
Chi phí trả trước ngắn hạn		151	3.066	2.537
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	154	1.918	1.815
Tài sản ngắn hạn khác		158	870	1.091
		150	5.854	5.443
		100	182.062	372.875
Tài sản dài hạn				
Phải thu dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	10	211	11.436	-
Tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	11	221	253.705	272.839
Xây dựng cơ bản dở dang	12	230	5.274	2.805
		220	258.979	275.644
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	13	251	80.735	229.190
Đầu tư vào công ty liên kết	14	258	53.823	-
		250	134.558	229.190
Tài sản dài hạn khác				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15	262	41.929	39.676
		200	446.902	544.510
		270	628.964	917.385

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2009 Triệu đồng	31 tháng 12 năm 2008 Triệu đồng
Nguồn vốn				
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn				
Vay và nợ ngắn hạn	16	311	185.695	531.655
Phải trả người bán	17	312	131.131	120.122
Người mua trả tiền trước		313	6.595	5.200
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	314	23.794	9.362
Phải trả người lao động		315	6.668	4.476
Chi phí phải trả	19	316	10.048	42.906
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20	319	624	1.789
		310	364.555	715.510
Nợ dài hạn				
Đặt cọc dài hạn		331	23	20
Vay và nợ dài hạn	21	334	63.820	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc		336	1.806	2.335
		330	65.649	2.355
			430.204	717.865
Vốn chủ sở hữu				
Vốn và các quỹ				
Vốn cổ phần	22,23	411	328.571	310.917
Vốn thặng dư	22	412	73.249	69.313
Lỗi lũy kế	22	420	(203.060)	(180.710)
		400	198.760	199.520
		440	628.964	917.385

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
Ngoại tệ các loại		
Đồng Việt Nam (triệu đồng)	3.137	3.943
Đồng Euro	250	240

Ngày: _____

Pang Tee Chiang
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
			Triệu đồng	Triệu đồng
Tổng doanh thu	24	01	1.042.347	886.923
Các khoản giảm trừ	24	02	(45.137)	(45.500)
Doanh thu thuần		10	997.210	841.423
Giá vốn hàng bán	25	11	(797.062)	(782.175)
Lợi nhuận gộp		20	200.148	59.249
Doanh thu hoạt động tài chính	26	21	18.947	15.215
Chi phí hoạt động tài chính	27	22	(99.133)	(49.460)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		23	-	-
Chi phí bán hàng	28	24	(89.338)	(76.938)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	25	(36.257)	(41.429)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh		30	(5.633)	(93.364)
Thu nhập khác	30	31	12.430	2.077
Chi phí khác	31	32	(18.886)	(168.729)
Lỗ trước thuế		50	(12.089)	(260.016)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	51	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52	-	39.676
Lỗ sau thuế		60	(12.089)	(220.340)
Lỗ trên cổ phiếu	37	70	(0,41)	(7,56)

Ngày: _____

Pang Tee Chiang
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
		Triệu đồng	Triệu đồng
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lỗi trước thuế	01	(12.089)	(260.016)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	29.790	25.697
Tăng các khoản dự phòng	03	5.033	1.337
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(4.678)	(7.423)
Lỗi từ hoạt động đầu tư	05	51.301	174.251
Chi phí lãi vay	06	36.207	42.294
Thu nhập lãi tiền gửi, lãi cho vay	07	(6.299)	(7.792)
Lợi nhuận/(Lỗ) hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	99.265	(31.653)
Thay đổi trong các khoản phải thu	09	211.160	32.189
Thay đổi trong hàng tồn kho	10	(10.648)	58.703
Thay đổi trong các khoản phải trả	11	(11.326)	82.264
Thay đổi trong chi phí trả trước	12	(386)	(2.334)
Tiền lãi vay đã trả	13	(36.207)	(13.052)
Tiền lãi đã nhận	15	1.982	425
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	253.839	126.542
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(10.150)	(259.178)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư và tài sản cố định	22	86.963	7.450
Tiền đầu tư thêm vào công ty liên kết	25	(17.941)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	58.871	(251.728)

		Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
		Triệu đồng	Triệu đồng
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay nhận được	33	719.540	1.010.006
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.031.868)	(888.025)
Lãi suất/cổ tức đã trả cho nhà đầu tư	36	-	(20)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(312.328)	121.961
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm	50	382	(3.226)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	3.594	6.681
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái	61	113	139
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.089	3.594

Ngày:

Pang Tee Chiang
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng

1 Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế) ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam, là công ty con 100% sở hữu bởi Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd., một công ty được thành lập ở Malaysia với thời gian hoạt động là 40 năm theo Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991.

Sau giấy phép đầu tư ban đầu, có một số điều chỉnh sau:

- Giấy phép Đầu tư số 270 CPH/GP ngày 9 tháng 8 năm 2005 cho phép Công ty được chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với vốn sở hữu nước ngoài dưới tên gọi Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế với tổng vốn đầu tư là 30.000.000 Đô-la Mỹ và vốn điều lệ là 13.000.000 Đô-la Mỹ. Tổng số cổ phiếu của Công ty là 13.000.000 với mệnh giá là 1 Đô-la Mỹ trên một cổ phiếu được nắm giữ bởi 4 cổ đông sáng lập.
- Giấy phép Đầu tư số 270 CPH/GPĐC2 ngày 15 tháng 6 năm 2006 cho phép Công ty thay đổi mệnh giá cổ phiếu từ 1 Đô-la Mỹ thành 10.000 đồng Việt Nam một cổ phiếu và vốn điều lệ của Công ty chuyển từ 13.000.000 Đô-la Mỹ thành 206.636.000 ngàn đồng Việt Nam. Theo đó, tổng cộng số cổ phiếu của Công ty chuyển từ 13.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 1 Đô-la Mỹ trên một cổ phiếu thành 20.663.600 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam một cổ phiếu.
- Giấy phép Đầu tư số 270 CPH/GCNĐC3 ngày 23 tháng 8 năm 2006 cho phép Công ty tăng vốn điều lệ thành 242.841.600 ngàn đồng Việt Nam. Tổng cộng số cổ phiếu của Công ty tăng lên 24.284.160 cổ phiếu thông qua việc đăng ký và phát hành thêm 3.620.560 cổ phiếu mới.

Ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 3.620.560 cổ phiếu mới (mã chứng khoán IFS) đã được đề cập ở trên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 9 năm 2006 cho việc niêm yết. Theo Giấy phép Niêm yết, các cổ đông sáng lập cũng được phép bán 2.108.912 cổ phiếu ra công chúng. Tổng số cổ phiếu niêm yết là 5.729.472 cổ phiếu.

Theo giấy chứng nhận đầu tư mới nhất số 472033000328 ngày 28 tháng 11 năm 2007 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp, tổng vốn đầu tư của Công ty là 1.444.500 triệu đồng Việt Nam, tương đương 90 triệu Đô-la Mỹ. Vốn điều lệ của Công ty là 291.409.920 ngàn đồng Việt Nam. Tổng số cổ phiếu của Công ty tăng lên 29.140.992 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam một cổ phiếu. 4.820.832 cổ phiếu mới được đăng ký và phát hành thêm, trong số đó có 1.145.887 cổ phiếu được phép niêm yết. Theo đó, tổng số cổ phiếu đang được niêm yết là 6.875.359 cổ phiếu.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất bánh quy, thức ăn nhẹ, nước ép trái cây có gas và nước ép trái cây có độ cồn thấp dưới 5%, nước tinh lọc đóng chai và sản xuất chai nhựa PET; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 923 nhân viên (năm 2008: 959 nhân viên).

2 Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ

Sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập bằng đồng Đô- la Mỹ theo sự phê duyệt của Bộ Tài chính theo Công văn số 550 TC/CDKT ngày 5 tháng 9 năm 1998. Tuy nhiên theo Công văn Số 627/UBCK-QLPH ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước Việt Nam, báo cáo tài chính của Công ty phải được trình bày bằng VNĐ. Do đó, Công ty chuyển đổi các báo cáo tài chính sang VNĐ bằng cách sử dụng tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là VNĐ917.941/USD (2008: VNĐ16.977/USD) tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch phát sinh từ việc chuyển đổi đồng tiền được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán

3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý liên quan của Bộ Tài chính mà trên một số khía cạnh trọng yếu có thể khác với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế và các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi tại quốc gia của người đọc. Do đó, các báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam, hơn nữa, đối tượng sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty không nhằm vào những người không được thông tin về các nguyên tắc, quy trình và tập quán kế toán của Việt Nam.

Báo cáo tài chính này nên được đọc cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty lập bằng đơn vị tiền tệ Đô-la Mỹ để có đầy đủ thông tin, kết quả hoạt động và thay đổi về tình hình tài chính phù hợp với các Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý liên quan.

Hệ thống kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

Công ty sử dụng hình thức nhật ký sổ cái để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính kèm theo là những báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con sẽ được lập bởi Ban Giám đốc phù hợp với yêu cầu của các chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam và được trình bày riêng biệt.

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền kiểm soát chính sách tài chính và hoạt động. Công ty nắm quyền kiểm soát thông qua quyền biểu quyết. Trong báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Kết quả kinh doanh của công ty con được ghi nhận bởi Công ty trên cơ sở cổ tức nhận được và khoản phải thu tại ngày kết thúc niên độ.

4 Chính sách kế toán áp dụng

Tiền và các khoản tương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, cũng như các khoản tài khoản tiền ngắn hạn ở ngân hàng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và ghi nhận theo mức thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, được cấu thành từ chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được ghi nhận theo giá mua cộng với các chi phí liên quan. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá vốn lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn trừ dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu được dự tính là không thể thu hồi được toàn bộ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận trên cơ sở nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
Máy móc thiết bị	10 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	10 năm

Công ty nhận được sự chấp thuận từ Bộ Tài chính cho phép khấu hao theo tỷ lệ khấu hao như trên theo Công văn số 2536/TC-TCDN ngày 20 tháng 3 năm 2003. Tỷ lệ khấu hao không theo tỷ lệ của Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003.

Lãi hoặc lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản không sử dụng được ghi nhận như một phần của “Chi phí khác”.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá vốn của phần mềm ERP trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này cho đến khi việc xây dựng và lắp đặt hoàn thành tại thời điểm đó các chi phí liên quan sẽ được chuyển thành tài sản cố định vô hình khi tài sản đó được đưa vào sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty con là tất cả các công ty (kể cả các công ty hoạt động vì mục đích đặc biệt) mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ quá bán quyền biểu quyết.

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh.

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc. Công ty hạch toán kết quả đầu tư vào công ty liên kết trên cơ sở cổ tức đã nhận và có thể nhận được vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Chi phí lãi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro đã được chuyển cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

Thu nhập về tiền lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian sử dụng mức lãi suất thực tế áp dụng.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, người lao động của Công ty được hưởng trợ cấp thôi việc dựa trên số năm làm việc. Khoản này sẽ được trả một lần khi người lao động nghỉ việc tại Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập cho khoản nợ phải trả ước tính nếu toàn bộ nhân viên kết thúc hợp đồng lao động tại ngày kết thúc niên độ. Khoản dự phòng này được tính bằng một nửa tháng lương cơ bản của mỗi người lao động cho một năm làm việc tại Công ty, dựa trên mức lương tại ngày kết thúc niên độ.

Căn cứ theo thay đổi trong quy định hiện hành về trợ cấp thôi việc có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, đối với thời gian làm việc cho giai đoạn từ sau ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty không có trách nhiệm phải trả trợ cấp thôi việc mà thay vào đó người lao động sẽ được trả bằng quỹ trợ cấp thất nghiệp của Chính phủ.

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các quyền lợi và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế thu nhập

Nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính bằng thuế suất ước tính áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, nếu những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi trong giá trị những tài sản và nợ mà liên quan đến nguồn vốn thì được ghi nhận tăng hoặc giảm nguồn vốn.

Lãi/lỗ trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho cổ phiếu phổ thông và khoản này được tính bằng cách chia lãi/lỗ cho cổ đông phổ thông cho số trung bình các cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu có chung sự kiểm soát cũng như ảnh hưởng đáng kể.

Báo cáo bộ phận

Công ty xác định bộ phận kinh doanh dựa trên thị trường, theo đó có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế trong từng thị trường. Trong các giai đoạn báo cáo này, Công ty trình bày báo cáo bộ phận kinh doanh theo hai bộ phận: doanh thu nội địa và doanh thu xuất khẩu. Ngoài ra, công ty còn có thêm báo cáo kinh doanh theo hai loại sản phẩm chính: nước giải khát và bánh quy.

5 Giả định hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục dù khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn 182.493 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 342.634 triệu đồng).

Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc duy trì sự hỗ trợ tài chính từ công ty mẹ và trên hết là vào sự thành công trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty mẹ đã đảm bảo sẽ cung cấp sự hỗ trợ tài chính liên quan đến cam kết với bên thứ ba và sự giảm nhẹ nghĩa vụ tài chính với bên liên quan. Theo đó, các báo cáo tài chính riêng không bao gồm bất cứ sự điều chỉnh có thể cần thiết liên quan khả năng thu hồi và phân loại giá trị các tài sản đã ghi nhận, cũng như giá trị và phân loại các khoản nợ phải trả có thể là cần thiết nếu Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động liên tục.

6 Tiền

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt tại quỹ	855	765
Tiền gửi ngân hàng	3.234	2.829
	4.089	3.594

7 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác bao gồm 2.112 triệu đồng là khoản thuế giá trị gia tăng đầu vào của các dịch vụ nhận từ Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA, công ty con.

8 Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Hàng mua đang đi đường	-	6.336
Nguyên vật liệu	42.735	42.522
Công cụ, dụng cụ	3.202	2.725
Sản phẩm dở dang	19.685	19.800
Thành phẩm	64.203	41.390
	129.825	112.774
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.737)	(5.778)
	117.088	106.996

9 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Khoản thuế 1.918 triệu đồng là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa năm 2007. Khoản thuế này sẽ được căn trừ với thuế phải trả hoặc thuế được hoàn lại trong năm tiếp theo.

10 Phải thu dài hạn khác

Khoản tiền này thể hiện khoản trả trước cho nhà cung cấp để mua nguyên vật liệu năm 2008. Nhà cung cấp sẽ hoàn lại khoản tiền này cho Công ty năm 2011.

11 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
1 tháng 1 năm 2009	10.960	399.738	9.010	5.221	424.928
Mua mới	-	7.826	-	15	7.841
Xóa sổ	(11.582)	(22.376)	(1.117)	(1.307)	(36.381)
Thanh lý	-	(3.506)	-	-	(3.506)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi	622	22.699	512	296	24.128
31 tháng 12 năm 2009	-	404.381	8.405	4.225	417.010
<i>Khấu hao hết</i>	-	4.766	-	18	4.784
<i>Tài sản không sử dụng</i>	-	85.136	-	138	85.274
Khấu hao lũy kế					
1 tháng 1 năm 2009	(4.526)	(138.009)	(6.587)	(2.967)	(152.090)
Chi phí trong năm	(386)	(28.268)	(760)	(377)	(29.790)
Xóa sổ	5.169	19.246	1.196	1.216	26.827
Thanh lý	-	383	-	-	383
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi	(257)	(7.837)	(374)	(168)	(8.636)
31 tháng 12 năm 2009	-	(154.484)	(6.525)	(2.296)	(163.305)
<i>Tài sản không sử dụng</i>	-	(49.329)	-	(102)	(49.431)
Giá trị còn lại					
1 tháng 1 năm 2009	6.433	261.729	2.422	2.254	272.839
31 tháng 12 năm 2009	-	249.897	1.880	1.928	253.705
<i>Tài sản không sử dụng (*)</i>	-	35.807	-	36	35.843

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, một số tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 8.531.108 Đô-la Mỹ tương đương 153.057 triệu đồng (2008: 9.336.254 Đô-la Mỹ, tương đương 158.502 triệu đồng) đã được thế chấp cho Ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Đồng Nai như là một khoản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty (Thuyết minh 16).

Tòa nhà với giá trị còn lại 357.422 Đô-la Mỹ (tương đương 6.413 triệu đồng) tọa lạc tại thành phố Biên Hòa. Ngày 22 tháng 1 năm 2007, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Công văn yêu cầu Công ty phải di dời khỏi khu đô thị thành phố Biên Hòa. Công ty đã thực hiện theo Công văn và di dời các thiết bị sản xuất về huyện Long Thành. Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất tại thành phố Biên Hòa vào khoảng tháng 9 năm 2009 và không sử dụng tòa nhà này từ lúc đó. Do đó, Công ty đã quyết định ghi xóa sổ giá trị còn lại của tòa nhà này.

(*) Những tài sản này được di dời về từ nhà máy cũ tại thành phố Biên Hòa đến địa điểm mới tại khu công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành. Công ty không có nhu cầu để đưa các tài sản này vào sử dụng ngay.

12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Số đầu năm	2.805	55.617
Tăng trong năm	2.310	3.597
Chuyển sang tài sản cố định	-	(59.387)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi	159	2.978
Số cuối năm	5.274	2.805

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đến chi phí triển khai phần mềm ERP.

13 Đầu tư vào công ty con

	Số tiền		% vốn nắm giữ	
	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng	%	%
Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA	80.735	76.397	90	90
Công ty TNHH Bao bì Interfood (1)	-	152.793	-	90
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc (2)	-	-	-	-
	80.735	229.190		

- (1) Ngày 6 tháng 5 năm 2008, Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế (IPL) nhận phê duyệt từ Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai được phép hoạt động trong khoảng thời gian 46 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 470233000646 với vốn điều lệ 10 triệu Đô-la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp đủ vốn, tương đương 9 triệu Đô-la Mỹ, vào Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế.

Ngày 6 tháng 1 năm 2009, Công ty ký một hợp đồng bán 70% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Bao bì Thực phẩm Quốc tế cho Công ty Crown Packaging Investment Pte. Ltd, một công ty Singapore. Căn cứ theo hợp đồng và tuân thủ các điều khoản, việc chuyển nhượng đã chính thức vào ngày 31 tháng 1 năm 2009. Sau đó, ngày 19 tháng 6 năm 2009, Công ty TNHH Bao Bì Thực phẩm Quốc tế nhận Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 472023000464 được chấp thuận thay đổi tên thành Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”). Theo giấy phép mới, vốn điều lệ tăng từ 10.000.000 Đô-la Mỹ lên 15.000.000 Đô-la Mỹ. Công ty góp thêm 1.000.000 Đô-la Mỹ để duy trì 20% quyền sở hữu của Crown Đồng Nai (Thuyết minh 14).

- (2) Ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc nhận chấp thuận từ Ban Quản lý Khu công nghiệp Bắc Ninh. Công ty mới được cấp giấy phép hoạt động trong khoảng thời gian 50 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 212032.000111 với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ tương ứng 36 triệu Đô-la Mỹ và 11 triệu Đô-la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nước có ga và không ga, sản xuất thức ăn từ nông lâm hải sản và sản xuất bao bì.

14 Đầu tư vào công ty liên kết

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Công ty TNHH Bao Bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (trước đây gọi là Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế)	53.823	-

15 Tài sản thuế hoãn lại

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tài sản thuế hoãn lại	41.929	39.676

Tài sản này liên quan đến khoản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trong năm 2008 liên quan đến lỗ được phép mang sang để khấu trừ thuế.

16 Vay và nợ ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vay từ Ngân hàng Ngoại thương, Chi nhánh Đồng Nai (1)	159.710	208.294
Vay từ Ngân hàng ANZ (2)	-	153.975
Vay từ Ngân hàng Citibank (3)	-	29.778
Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (4)	-	78.254
Vay từ Ngân hàng Chinatrust Commercial (5)	8.044	32.997
Vay từ Ngân hàng HSBC (6)	-	28.356
Vay từ Nhà cung cấp (7)	17.941	-
	185.695	531.655

(1) Vay từ Ngân hàng Ngoại thương, Chi nhánh Đồng Nai

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vay bằng Đô-la Mỹ	26.602	9.350
Vay bằng đồng Việt Nam	133.108	198.944
	159.710	208.294

Vay từ Ngân hàng Ngoại thương, Chi nhánh Đồng Nai – Hợp đồng số 2008148/NHNT ngày 9 tháng 9 năm 2008 để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng 162 tỷ đồng Việt Nam (tương đương 9.029.597 Đô-la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009). Hạn mức tín dụng này được tính lãi theo lãi suất thực tế tại thời điểm rút vốn vay và lãi phải trả vào ngày 26 hàng tháng.

Lãi suất áp dụng trong năm 2009 cho khoản vay bằng Đô-la Mỹ là 4,5% trong khi đó 10,5% cho khoản vay bằng đồng Việt Nam. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ giá trị của tòa nhà và máy móc là 8.939.407 Đô-la Mỹ theo Hợp đồng số 016/QHKH/NHNT ngày 24 tháng 9 năm 2004 và máy móc với giá trị 3.800.000 Đô-la Mỹ theo Hợp đồng số 119/HĐBĐ/NHNT ngày 15 tháng 9 năm 2009. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, giá trị còn lại của những tài sản thế chấp này là 8.531.108 tương đương 153,057 triệu đồng (Thuyết minh 11).

Trong năm, Ngân hàng đã chấp thuận gia hạn thanh toán tiền lãi và trong tháng 7 năm 2009, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản lãi quá hạn và ngân hàng đã xóa 1 tỷ đồng tiền lãi quá hạn. Ngày 6 tháng 8 năm 2009, Công ty nhận được thư của Ngân hàng Ngoại thương xác nhận là trạng thái các khoản vay tín dụng đã trở lại bình thường và Công ty có thể sử dụng tiếp hạn mức còn lại chưa sử dụng với số tiền 127.631 Đô-la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

(2) Vay từ Ngân hàng ANZ

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vay bằng Đô-la Mỹ	-	75.275
Vay bằng đồng Việt Nam	-	78.700
	-	153.975

Công ty có hạn mức tín dụng ngắn hạn 6 triệu Đô-la Mỹ từ Ngân hàng ANZ và thêm một hạn mức vay giải ngân theo tiến độ vào ngày 3 tháng 3 năm 2008 số tiền 18 triệu Đô-la Mỹ. Khoản vay được dùng để đầu tư vào công ty con - Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế Miền Bắc ở tỉnh Bắc Ninh. Khoản vay bằng Đô-la Mỹ chịu lãi suất SIBOR cộng lãi biên 1,25%/năm và khoản vay bằng đồng Việt Nam chịu lãi suất cơ bản cộng lãi biên 1,25%/năm. Đây là khoản vay tín chấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2009, Công ty đã hoàn trả toàn bộ nợ và lãi vay.

(3) Vay từ Ngân hàng Citibank

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vay bằng Đô-la Mỹ	-	29.778

Khoản vay từ Citibank ngày 30 tháng 1 năm 2007 chịu lãi suất 8,46%/năm. Đây là khoản vay tín chấp. Công ty đã trả hết toàn bộ khoản nợ vào ngày 29 tháng 10 năm 2009.

(4) Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng số DNA.DN.01291107 ngày 29 tháng 11 năm 2007, chịu lãi suất từ 18% đến 31,5% một năm trong năm 2009. Đây là khoản vay tín chấp. Ngày 25 tháng 6 năm 2009, toàn bộ số dư nợ gốc và lãi vay đã được thanh toán hết.

(5) Vay từ Ngân hàng Chinatrust Commercial

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vay bằng Đô-la Mỹ	-	493
Vay bằng đồng Việt Nam	8.044	32.504
	8.044	32.997

Vay từ Ngân hàng Chinatrust Commercial chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số HCMC204/2007 ngày 7 tháng 1 năm 2008 để tài trợ vốn lưu động, chịu lãi suất theo lãi suất SIBOR cộng lãi biên 1,2%/năm. Trong năm 2009, khoản vay bằng Đô-la Mỹ chịu lãi suất từ 5,79% đến 11,25% một năm, khoản vay bằng đồng Việt Nam chịu lãi suất từ 17,19% đến 18,59% một năm. Đây là khoản vay tín chấp.

Ngày 3 tháng 7 năm 2009, Công ty và Ngân hàng đã ký thư điều chỉnh khoản vay, trong đó, Công ty đồng ý hoàn trả 60% dư nợ trước ngày 30 tháng 9 năm 2009 và phần còn lại 40% sẽ được thanh toán hàng tháng trong vòng 12 tháng tiếp theo. Vào ngày 4 tháng 8 năm 2009, Công ty đã hoàn trả trước hạn 60% dư nợ có giá trị 1 triệu Đô-la Mỹ.

Theo thỏa thuận ngày 8 tháng 12 năm 2009 với ngân hàng, Công ty sẽ thanh toán phần nợ tồn đọng được thanh toán cho ngân hàng trong vòng 7 tháng bắt đầu từ ngày 15 tháng 12 năm 2009. Công ty đã thanh toán hết khoản này vào tháng 5 năm 2010.

(6) Vay từ Ngân hàng HSBC

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vay bằng Đô-la Mỹ	-	11.265
Vay bằng đồng Việt Nam	-	17.091
	-	28.356

Khoản vay từ Ngân hàng HSBC theo Hợp đồng số VNM CDT 080306 ngày 6 tháng 6 năm 2008 chịu lãi suất theo lãi suất công bố cộng lãi biên 2%/năm. Trong năm 2009, khoản vay bằng Đô-la Mỹ chịu lãi suất từ 4,5% đến 7,71% một năm, khoản vay bằng đồng Việt Nam chịu lãi suất từ 10,3% đến 15% một năm. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu với số tiền tối thiểu 2.320.000 Đô-la Mỹ. Toàn bộ dư nợ đã được thanh toán vào ngày 6 tháng 10 năm 2009.

(7) Vay từ nhà cung cấp

Khoản vay này là số dư chưa thanh toán hết từ việc mua máy móc thiết bị. Công ty mua máy móc từ Summimark Worldwide Limited (“Summitmark”) và sau đó đã chuyển giao cho Công ty TNHH Bao Bì Thực phẩm Quốc tế (IPL). Trong suốt quá trình chuyển giao, IPL xác định phần chưa thanh toán cho Summitmark là 5 triệu Đô-la Mỹ. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của Công ty – Ông Pang Tee Chiang đã trả 4 triệu Đô-la Mỹ cho Summitmark thay cho IPL (Thuyết minh 21). IPL đã chuyển 1 triệu Đô-la Mỹ cho Công ty vay với sự đồng ý của Summitmark theo hợp đồng vay ngày 9 tháng 6 năm 2009 và bản phụ lục của hợp đồng vào ngày 02 tháng 11 năm 2009. Khoản vay này được yêu cầu thanh toán trong vòng 10 tháng kể từ ngày 05 tháng 08 năm 2009 và chịu lãi suất 7% một năm.

Sau đó, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản này trong tháng 6 năm 2010.

17 Phải trả người bán

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Phải trả cho nhà cung cấp	86.638	119.405
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 34)	44.492	717
	131.131	120.122

18 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thuế giá trị gia tăng	19.891	6.287
Thuế thu nhập cá nhân	2.054	1.145
Thuế xuất nhập khẩu	322	444
Thuế khác	1.528	1.486
	23.794	9.362

19 Chi phí phải trả

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí lãi vay	-	30.020
Chi phí vận chuyển	5.040	6.894
Chiết khấu thương mại	4.490	3.088
Khác	518	2.904
	10.048	42.906

20 Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 37)	435	412
Kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế	45	1.236
Phải trả khác cho Chủ tịch HĐQT (Thuyết minh 34)	144	136
Phải trả khác	-	5
	624	1.789

21 Vay dài hạn

	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vay từ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Thuyết minh 34)	63.820	-

Như được trình bày tại Thuyết minh 16, IPL nợ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty – Ông Pang Tee Chiang 4 triệu Đô-la Mỹ. Để hỗ trợ vốn lưu động của Công ty, Công ty đã nhận khoản nợ IPL phải trả cho ông Pang trong khi IPL tiến hành thanh toán nợ vay cho Công ty gồm có ngân hàng Citi và ANZ với số tiền tương ứng là 2.271.435 Đô-la Mỹ và 1.131.565 Đô-la Mỹ. Khoản nợ này sau đó đã được chuyển thành một khoản vay từ cổ đông trong thời hạn 5 năm theo hợp đồng ngày 30 tháng 07 năm 2009. Khoản vay này chịu lãi suất Sibor 3 tháng trừ đi 1%. Lãi suất thực tế cho năm 2009 là từ 2% đến 3% một năm.

22 Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Số đầu năm trước	295.112	65.790	37.616	398.517
Lỗi năm trước	-	-	(220.340)	(220.340)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi	15.805	3.523	2.014	21.343
Số dư cuối năm trước	310.917	69.313	(180.710)	199.520
Số đầu năm nay	310.917	69.313	(180.710)	199.520
Lỗi năm nay	-	-	(12.089)	(12.089)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi	17.654	3.936	(10.261)	11.329
Số dư cuối năm nay	328.571	73.249	(203.060)	198.760

23 Vốn cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty là 291.409.840 ngàn đồng Việt Nam (tương đương 18.313.995 Đô-la Mỹ), được chia thành 29.409.840 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

	31 tháng 12 năm 2009		
	Số cổ phiếu	VND'000	Tương đương Đô-la Mỹ
Đăng ký	29.140.992	291.409.920	18.314.000
Phát hành và đã thanh toán đầy đủ	29.140.984	291.409.840	18.313.995

Chi tiết cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Số lượng cổ phiếu		Tổng	Mệnh giá VNĐ'000	Vốn góp tương đương	
	Cổ phiếu niêm yết	Cổ phiếu chưa niêm yết			VNĐ'000	%
Trace Ocean Holding SDN BHD	-	16.684.646	16.684.646	10	166.846.460	57,25%
Pang Tee Chiang	1.200.189	5.499.840	6.700.029	10	67.000.290	22,99%
Ng. Eng Haut	800.403	-	800.403	10	8.004.030	2,75%
Yau Hau Jan	-	81.139	81.139	10	811.390	0,28%
Nguyễn Thị Kim Liên	12.000	-	12.000	10	120.000	0,04%
Cổ đông phổ thông	4.862.767	-	4.862.767	10	48.627.670	16,69%
	6.875.359	22.265.625	29.140.984		291.409.840	100%

24 Doanh thu thuần

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 Triệu đồng	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 Triệu đồng
Doanh thu		
Doanh thu nội địa	1.004.035	837.115
Doanh thu xuất khẩu	38.312	49.808
	1.042.347	886.923
Giảm trừ doanh thu:		
Chiết khấu thương mại	(44.845)	(45.071)
Hàng bán trả lại	(292)	(429)
	(45.137)	(45.500)
Doanh thu thuần	997.210	841.423

25 Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 Triệu đồng	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 Triệu đồng
Giá vốn hàng bán nội địa	768.465	735.289
Giá vốn hàng bán xuất khẩu	28.597	46.886
	797.062	782.175

26 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 Triệu đồng	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 Triệu đồng
Lãi tiền gửi ngân hàng	283	425
Lãi từ khoản cho vay bên liên quan (Thuyết minh 34)	6.016	7.367
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.970	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.678	7.423
	18.947	15.215

27 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí lãi vay	36.207	42.294
Lỗ từ thanh lý vốn góp vào Công ty TNHH Bao Bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (trước đây gọi là Công ty TNHH Bao Bì Thực phẩm Quốc tế) (Thuyết minh 13)	41.264	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.662	7.166
	99.133	49.460

28 Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí vận chuyển	61.790	52.752
Chi phí lương	13.346	10.496
Hoa hồng cho nhân viên bán hàng	10.043	10.494
Chi phí khấu hao	815	551
Chi phí khác	3.344	2.645
	89.338	76.938

29 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí lương	22.151	16.501
Chi phí khấu hao	321	582
Chi phí văn phòng	5.744	10.254
Phí ngân hàng	830	3.101
Chi phí khác	7.211	10.991
	36.257	41.429

30 Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Doanh thu từ khoản nợ đã được xoá	3.845	-
Doanh thu từ thanh lý tài sản cố định	2.640	-
Xóa sổ khoản phải trả và khách hàng trả trước	3.576	-
Thu nhập khác	2.369	2.077
	12.430	2.077

31 Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Xóa sổ khoản ứng trước để mua máy móc	-	152.550
Xóa sổ khoản ứng trước để thuê đất và các khoản khác	-	13.889
Xóa sổ khoản phải thu và trả trước cho người bán	4.732	-
Giá trị còn lại của tài sản xóa sổ	3.142	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	9.535	-
Khấu hao của tài sản không sử dụng	1.379	-
Khác	98	2.290
	18.886	168.729

32 Chi phí theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên vật liệu	687.990	627.123
Chi phí nhân công	58.685	44.132
Chi phí khấu hao	29.790	25.697
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	100.790	84.870
Chi phí khác	36.937	39.377
	914.192	821.199

33 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% cho vòng 12 năm từ năm hoạt động đầu tiên 1994 và thuế suất 25% áp dụng từ năm 2006 trở về sau.

Theo Nghị Định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (thay thế Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003) của Chính phủ, Công ty được ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động về khu vực ngoại ô. Năm 2006, Công ty dời một dây chuyền sản xuất từ thành phố Biên Hòa về Khu Công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% cho 6 năm tiếp theo. Cũng theo Thông tư này, Công ty được ưu đãi thuế do đầu tư dây chuyền sản xuất mới thỏa mãn các điều kiện của Thông tư này. Ưu đãi thuế bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo áp dụng cho lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất mới.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty được giảm 50% cho hai năm sau khi niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn tất việc đăng ký với cơ quan thuế để áp dụng ưu đãi thuế từ năm 2007.

Công ty không lập dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Công ty phát sinh lỗ trong năm.

Bảng đối chiếu lỗ trước thuế và lỗ theo thuế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lỗ kế toán trước thuế	(12.089)	(260.016)
Cộng		
Chi phí chưa được khấu trừ cho mục đích thuế	68	-
Chi phí không được khấu trừ cho mục đích thuế	11.485	(1.622)
Doanh thu chịu thuế	(536)	(261.638)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	39.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Lỗ sau thuế	(536)	(221.962)

Lỗ theo thuế được mang sang và khấu trừ với doanh thu chịu thuế trong vòng năm năm từ năm phát sinh lỗ. Số lỗ lũy kế thực tế được mang sang theo kết quả quyết toán thuế của cơ quan thuế địa phương. Ước tính lỗ thuế có thể được khấu trừ với thu nhập chịu thuế tương lai như sau:

Năm	Tình trạng quyết toán thuế	Lỗ theo thuế Triệu đồng
2008	Chưa quyết toán	221.962
2009	Chưa quyết toán	536
		222.498

34 Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Triệu đồng
Công ty cổ phần Thực phẩm AVA (*)	Công ty con	Vốn cho vay trong năm (1)	89.314
		Thu nhập lãi vay (1)	4.317
		Nguyên vật liệu và phí gia công	
		được tính cho Công ty (2)	56.030
		Doanh thu từ sản phẩm uống	1.248
		Chi phí thuê nhà máy/văn phòng	341
Công ty TNHH Bao Bì Nước giải khát Crown Đông Nai (trước đây được biết là Công ty TNHH Bao Bì thực phẩm Quốc tế)	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	68.717
		Thu nhập lãi vay	1.699
Công ty TNHH Việt Nam Chuan Li Can	Công ty con	Mua nguyên liệu	14.357

(*) **Các giao dịch với Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA (“Avafood”):**

(1) Trong năm, Công ty ký một hợp đồng vay với Avafood trong đó Công ty cấp cho Avafood một khoản vay 5.000.000 Đô-la Mỹ. Khoản vay chịu thuế suất từ 9,5% đến 11,5% theo lãi suất công bố bởi Ngân hàng Ngoại Thương chi nhánh Đồng Nai.

Số dư nợ sẽ được căn trừ với số dư nội bộ giữa hai bên như hợp đồng gia công (2), doanh thu thành phẩm hoặc thanh toán nợ.

(2) Hợp đồng phí gia công:

- Công ty và Avafood ký kế hợp đồng gia công trong đó Avafood sẽ sản xuất bánh quy và bán cho Công ty với lãi biên 7%.
- Thêm vào đó, Avafood cũng thực hiện dịch vụ gia công sản phẩm nước cho Công ty. Avafood sẽ tính phí Công ty dựa trên chi phí điện, nước, nhà xưởng, kho tàng và chi phí nhân công với tỷ lệ thỏa thuận với Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Phải trả		Phải trả	Vay
			Phải thu	khác		
			Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Công ty cổ phần Thực phẩm AVA	Công ty con	Vay	34.132	-	-	-
Công ty TNHH Bao Bi Nước Giải khác		Mua nguyên liệu				
Crown Đồng Nai	Công ty liên kết		-	-	41.176	-
Công ty TNHH Việt Nam Chuan Li	Công ty con cùng	Mua nguyên liệu				
Can Manufacturing	tập đoàn		-	-	3.316	-
Ông Pang Tee Chiang	Chủ tịch HĐQT	Vay	-	-	-	63.820
	Tổng giám đốc	Phải trả khác	-	144	-	
			34.132	144	44.492	63.820

35 Thông tin bộ phận

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ban Giám đốc xác định báo cáo bộ phận theo doanh thu: (1) doanh thu nội địa và (2) doanh thu xuất khẩu. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn hàng bán theo từng bộ phận.

Kết quả kinh doanh từng bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Nội địa Triệu đồng	Xuất khẩu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Doanh thu thuần	960.926	36.284	997.210
Giá vốn hàng bán	(768.465)	(28.597)	(797.062)
Lợi nhuận gộp	192.461	7.687	200.148

Kết quả kinh doanh từng bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Nội địa Triệu đồng	Xuất khẩu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Doanh thu thuần	791.615	49.808	841.423
Giá vốn hàng bán	(735.289)	(46.885)	(782.174)
Lợi nhuận gộp	56.326	2.923	59.249

Ban Giám đốc cũng quyết định phân tích báo cáo bộ phận theo từng loại sản phẩm là: (1) nước giải khác (2) bánh quy và (3) sản phẩm khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn hàng bán theo từng bộ phận.

Kết quả kinh doanh từng bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Nước giải khác Triệu đồng	Bánh quy Triệu đồng	Khác Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Doanh thu thuần	936.228	21.692	39.290	997.210
Giá vốn hàng bán	(748.997)	(17.097)	(30.968)	(797.062)
Lợi nhuận gộp	187.230	4.596	8.322	200.148

Kết quả kinh doanh từng bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Nước	Bánh quy	Khác	Tổng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Doanh thu thuần	800.704	34.836	5.883	841.423
Giá vốn hàng bán	(748.237)	(28.368)	(5.569)	(782.174)
Lợi nhuận gộp	52.467	6.468	314	59.249

36 Giao dịch không bằng tiền

Nghiệp vụ phát sinh không bằng tiền phát sinh trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm:

	2009
	Triệu đồng
Thu nhập lãi vay từ khoản vay cho AVA (Thuyết minh 34)	4.317

37 Lỗ trên cổ phiếu và cổ tức

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được trình bày như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2009	31 tháng 12 năm 2008
Lỗ cơ bản Công ty (Triệu đồng)	(12.089)	(220.340)
Số cổ phiếu thường trung bình đã phát hành	29.140.984	29.140.984
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phần (Ngàn đồng/cổ phần)	(0,41)	(7,56)

Năm 2009, Công ty không chi trả cổ tức. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, khoản cổ tức phải trả năm 2007 gồm 435 triệu đồng chưa được chi trả và được bao gồm trong khoản phải trả khác (thuyết minh 20).

38 Lương và các khoản thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Trong năm, thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị nhận lương và các khoản khác như sau:

	Triệu đồng
Phí Hội đồng Quản trị	315
Lương	4.537
	4.852

39 Cam kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các khoản cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	2009	2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Trong 1 năm	2.129	14.934
Từ 2 đến 5 năm	4.920	56.019
Trên 5 năm	227	40.715
	7.276	111.668

Trong năm 2009, Công ty đã ký kết một hợp đồng gia công với Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA, bên liên quan, thay cho hợp đồng thuê đất.

40 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Trong tháng 5 năm 2010, Công ty thanh lý 20% lợi ích còn lại của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bao Bì Nước giải khác Crown Đồng Nai với tổng số tiền 3.300.000 Đô-la Mỹ. Giao dịch này được cổ đông chấp thuận theo Quyết định số EGM100531 ngày 31 tháng 5 năm 2010.

41 Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được phê duyệt để phát hành bởi Ban Giám đốc ngày _____ .

Pang Tee Chiang
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

